SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Thời gian ký: 2026-05-26T10:39:24+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /2026/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai và Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01

tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 480/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, HĐND, UBMTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan;
- Báo và Phát thanh truyền hình thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT.

2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Quỹ) hỗ trợ cho các hoạt động phòng chống thiên tai và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; tổ chức, cá nhân ngoài thành phố, nước ngoài đang hoạt động hoặc tham gia công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc chi hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; hỗ trợ thêm cho các đối tượng mà các chính sách khác của Nhà nước chưa đảm bảo.

2. Công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng định mức.

3. Ưu tiên hỗ trợ dân sinh, phục hồi sản xuất và khắc phục khẩn cấp công trình, dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Không sử dụng Quỹ để chi cho hoạt động thường xuyên hoặc đầu tư không liên quan đến phòng, chống thiên tai hoặc hỗ trợ thực hiện các công trình/dự án/chương trình/đề án mới có tính chất dài hạn.

5. Hỗ trợ trong khả năng và phạm vi cân đối nguồn Quỹ.

Chương II
VỀ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI VÀ NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÔNG TÁC THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 4. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân trong thời gian sơ tán: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày, căn cứ theo số ngày thực tế sơ tán và danh sách sơ tán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ cho lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

c) Hỗ trợ cho lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

d) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

đ) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

e) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai các cấp: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Mức hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng, không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai.

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày, căn cứ vào danh sách được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập: Mức hỗ trợ không quá 200.000 đồng/học sinh, căn cứ vào danh sách được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả

kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở: Mức hỗ trợ tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

đ) Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở: Mức hỗ trợ tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.

e) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 500.000.000 đồng/công trình.

g) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã, phường, đặc khu/01 đợt thiên tai.

h) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức hỗ trợ đối với cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

i) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Thực hiện theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

k) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: Thực hiện theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

l) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/công trình.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, các văn bản khác có liên quan.

b) Hỗ trợ lập mới kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai và theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã, phường, đặc khu.

c) Hỗ trợ rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai và theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, tối đa không quá 5.000.000 đồng/xã, phường, đặc khu.

d) Hộ di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở: Mức hỗ trợ tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

đ) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức Hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

e) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

g) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

h) Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã và tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

i) Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã và tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

k) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ theo dự toán hằng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

l) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai.

4. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ thành phố

Tổng chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ thành phố không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ thành phố trong năm. Giao Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Cơ quan quản lý Quỹ) tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ thành phố (trong đó quy định cụ thể các nhiệm vụ chi, mức chi hoạt động của bộ máy đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành của đơn vị Nhà nước).

Điều 5. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chi Quỹ hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố trên cơ sở đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ; quyết định việc điều chuyển Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác thực hiện theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chi từ nguồn Quỹ được giữ lại tại địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu; hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà theo quy định tại Nghị định 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 6. Trình tự thực hiện hỗ trợ Quỹ

1. Đối với nguồn Quỹ thành phố quản lý

a) Về kế hoạch hàng năm

- Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, các địa phương, cơ quan, đơn vị hoàn thành việc rà soát và gửi báo cáo kế hoạch sử dụng Quỹ cho năm sau, trong đó, đề xuất danh mục, dự toán kinh phí hỗ trợ Quỹ cho các công việc theo nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ trên địa bàn thành phố gửi Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp.

- Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ do Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức đề nghị; phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có liên quan kiểm tra, rà soát, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến và tổng hợp vào kế hoạch tài chính năm sau gửi Sở Tài chính tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

b) Về hỗ trợ Quỹ cho các hoạt động ứng phó thiên tai; cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai phát sinh do sự cố thiên tai.

Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức đề nghị (bao gồm: báo cáo kết quả tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ); phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát, làm cơ sở để đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ Quỹ đúng đối tượng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp tỉnh.

3. Đối với hỗ trợ Quỹ để tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Về báo cáo và quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ

1. Về kiểm tra báo cáo thiệt hại và quản lý, sử dụng Quỹ

a) Cơ quan, đơn vị, xã, phường có trách nhiệm kiểm tra, thống kê báo cáo thiệt hại do thiên tai gây ra theo đúng quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung, số liệu báo cáo và các sai sót (nếu có).

b) Hồ sơ, thủ tục đầu tư, mua sắm, hỗ trợ và hồ sơ quyết toán của từng nội dung chi Quỹ phải thực hiện đảm bảo theo các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm quản lý, sử dụng Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả và thực hiện công tác thanh, quyết toán theo đúng quy định. Trường hợp sử dụng không hết hoặc không sử dụng (do đấu thầu giảm giá, do giảm khối lượng, do sử dụng nguồn khác, do quyết toán giảm,...) thì phải nộp hoàn trả kịp thời.

d) Cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng Quỹ có trách nhiệm tổng hợp vào báo cáo tài chính; bảo quản, lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu theo đúng quy định.

2. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

a) Cơ quan, đơn vị, xã, phường, đặc khu được hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ thành phố có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành, gửi báo cáo quyết toán về Cơ quan Quản lý Quỹ thành phố trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Các công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan, địa phương, đơn vị phải có văn bản giải trình đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cho phép chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hoàn thành báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ trên địa bàn gửi Cơ quan quản lý Quỹ thành phố trước ngày 31 tháng 01 năm sau để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thu hồi

khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

c) Cơ quan quản lý Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách và các quy định của pháp luật có liên quan. Hằng năm, Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 8. Nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp quỹ của các cá nhân do mình quản lý và nộp Quỹ theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ chuyển vào tài khoản của Quỹ thành phố theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở thành phố, ở xã, phường, đặc khu thuộc thành phố (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ thành phố hoặc tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức thu Quỹ đối tượng lao động khác theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và thu Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi cấp xã quản lý theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

4. Mức đóng góp Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

5. Công tác xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025; sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 22 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 và theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 18 và khoản 7 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Công tác thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021, được

sửa đổi, bổ sung tại Điều 20 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 và theo quy định tại khoản 11 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm quản lý, sử dụng Quỹ và tổ chức công tác thu, nộp Quỹ theo các nội dung tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.